

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 370/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 11 năm 1991

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành quy chế về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.

Nay ban hành Quy chế về đưa người lao động Việt nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài kèm theo Nghị định này.

Điều 2.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

QUY CHẾ

VỀ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC CÓ THỜI HẠN Ở NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Nghị định số 370-HĐBT ngày 9-11-1991

của Hội đồng Bộ trưởng)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là một hướng giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người lao động và tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước; góp phần tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế - văn hoá khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam với những nước sử dụng lao động theo nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi, tôn trọng pháp luật và truyền thống dân tộc của nhau.

Điều 2.

Việc đưa người lao động đi làm việc nói ở Điều 1 được thực hiện theo các Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài (nếu có); theo các hợp đồng cung ứng lao động giữa các tổ chức kinh tế Việt Nam với các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân người nước ngoài; theo các hợp đồng lao động giữa người lao động với các tổ chức kinh tế Việt Nam, hoặc các tổ chức kinh tế và cá nhân người nước ngoài (gọi tắt là bên sử dụng lao động), trên cơ sở pháp luật của Việt Nam và pháp luật của nước có người Việt Nam đến làm việc, phù hợp với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam và nước sử dụng lao động ký kết hoặc tham gia theo nguyên tắc các bên cùng có lợi và cùng chịu trách nhiệm.

Điều 3.

Việc đưa người lao động đi làm việc phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước Việt Nam, quyền lợi của người lao động theo chính sách của Nhà nước, quyền chủ động và tự chịu trách nhiệm về tài chính của các tổ chức kinh tế đưa người đi làm việc.

Điều 4.

Đối tượng và hình thức đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài được quy định như sau:

1. Đối tượng đi làm việc bao gồm những người có nghề hoặc chưa có nghề, học sinh mới tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp trong và ngoài nước; người làm công tác khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, quản lý, kể cả người đi làm chuyên gia (trừ một số nghề và công việc đặc biệt Nhà nước không cho phép làm việc ở nước ngoài).

Những người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định hợp tác khoa học kỹ thuật và hợp tác đào tạo do nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế tài trợ hoặc những người đi làm

cho các tổ chức quốc tế phi kinh tế ở nước ngoài không thuộc đối tượng chấp hành của quy chế này.

2. Việc tổ chức người lao động đi làm việc ở nước ngoài có thể thực hiện dưới các hình thức như đội, tổ hoặc cá nhân, đi làm việc độc lập hoặc xen ghép với người nước ngoài; nhận khoán khối lượng công việc; nhận khai thác, sản xuất chia sản phẩm; nhận thầu công trình xây dựng và các hình thức khác phù hợp với yêu cầu của bên sử dụng lao động ở nước ngoài.

CHƯƠNG II

QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 5.

Những đối tượng đi làm việc nói ở điều 4 phải là những công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên (không phân biệt giới tính) có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ công dân theo pháp luật và tự nguyện đi làm việc.

Điều 6.

Người lao động có những quyền lợi sau:

1. Khi ký hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài với tổ chức kinh tế đưa đi và ký hợp đồng lao động với bên sử dụng lao động, người lao động có quyền yêu cầu được cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin về việc làm, nơi làm việc, thời hạn hợp đồng, điều kiện làm việc, ăn, ở và nghỉ ngơi, chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và những điều kiện cần thiết khác.
2. Được hưởng các quyền lợi ghi trong hợp đồng đã được hai bên ký kết và các văn bản khác có liên quan mà Nhà nước ta và nước ngoài đã thoả thuận.
3. Được các cơ quan có thẩm quyền của Việt nam ở nước ngoài bảo hộ pháp lý về mặt lãnh sự và tư pháp theo các điều khoản đã ký kết giữa nước ta và nước ngoài.
4. Được mang ra nước ngoài hoặc đưa về nước những công cụ làm việc cần thiết của cá nhân, được chuyển thu nhập bằng ngoại tệ và tài sản cá nhân về nước theo các Hiệp định, hợp đồng đã ký với nước ngoài và theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
5. Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và các chính sách, chế độ khác theo quy định của Nhà nước Việt Nam.

6. Có quyền khiếu nại với các cơ quan có thẩm quyền của hai nước xem xét và giải quyết việc bên sử dụng lao động vi phạm hợp đồng ảnh hưởng đến lao động và quyền lợi chính đáng của người lao động. Nếu kiến nghị nhiều lần không được giải quyết thì người lao động có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được hưởng các chế độ theo pháp luật lao động của nước sở tại.

Điều 7.

Người lao động có những nghĩa vụ sau:

1. Ký hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài với tổ chức kinh tế đưa đi, ký hợp đồng lao động với bên sử dụng lao động nước ngoài. Chấp hành đầy đủ các điều khoản đã ký trong hợp đồng, trong các văn bản khác có liên quan mà Nhà nước ta và nước ngoài thoả thuận, hoặc các tổ chức kinh tế đã thoả thuận với bên sử dụng lao động.
2. Nộp lệ phí cho tổ chức kinh tế đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
3. Nộp cho tổ chức kinh tế đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài một khoản tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện hợp đồng. Mức và thể thức đặt cọc do người lao động và tổ chức kinh tế thoả thuận. Khi hoàn thành hợp đồng, tổ chức kinh tế phải hoàn trả cho người lao động khoản tiền đặt cọc đó.
4. Trích không quá 30% thu nhập cơ bản hàng tháng theo hợp đồng để làm nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước Việt nam và đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện khoản thu này.
5. Tự chịu trách nhiệm về những thiệt hại do bản thân mình vi phạm hợp đồng lao động hoặc hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài gây ra và về những quan hệ tài sản khác của cá nhân theo pháp luật.
6. Giữ gìn bí mật quốc gia và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về quản lý công dân Việt nam ở nước ngoài.
7. Tuân thủ pháp luật và tôn trọng phong tục, tập quán và có quan hệ tốt với nhân dân nước đến lao động.

CHƯƠNG III